BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Giáo dục Chính trị **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**38**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		1
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		1
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		1
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**24**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**20**						
14	PO4500	Nhập môn ngành giáo dục chính trị	1	15					1
15	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					2
16	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
17	PO4091	Triết học Mác - Lênin	4	60					1
18	PO4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	45			PO4091		2
19	PO4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			PO4092		3
20	GE4056H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			PO4093		3
21	PO4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			GE4056H		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**4**						
22	GE4201	Phương pháp tư duy	2	30					3
23	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					3
24	GE4029	Môi trường và con người	2	30					4
25	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**97**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
26	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
27	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					2
28	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		3
29	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		3
30	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**24**						
2.1. Đại cương chung bắt buộc			**22**						
31	GE4030	Mỹ học đại cương	2	30					5
32	PO4215	Lịch sử Triết học	3	45					2
33	PO4106	Hiến pháp và định chế chính trị	2	30					3
34	PO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					4
35	PO4000	Chính trị học	2	30					4
36	PO4009	Logic hình thức	2	30					4
37	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					3
38	PO4004	Lịch sử các học thuyết chính trị	2	30					5
39	PO4001	Đạo đức học	3	45					6
40	PO4008	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	30					6
2.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
41	GE4122	Tiếng Việt thực hành	2	30					5
42	PO4012	Tôn giáo học	2	30					5
43	GE4068	Văn hóa học đại cương	2	30					5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
III. Kiến thức chuyên ngành			**35**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**33**						
44	PO4217N	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị	2	30					2
45	PO4218	Phương pháp giảng dạy môn giáo dục công dân	2	30			PO4217N		3
46	PO4016N	Pháp luật thực định	3	45			PO4106		4
47	PO4219N	Phương pháp giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	30			PO4217N		4
48	PO4220	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin	3	45			PO4093		5
49	PO4226	Chuyên đề giáo dục pháp luật	2	30					7
50	PO4127N	Chuyên đề triết học	3	45			PO4220		6
51	PO4227	Chuyên đề Kinh tế chính trị	2	30			PO4220		5
52	PO4228	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4056H		6
53	PO4221	Xây dựng và phát triển chương trình	2	30					6
54	PO4229	Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			PO4220		5
55	PO4168N	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	2	30			PO4094		7
56	PO4230	Chuyên đề giáo dục kinh tế	2	30			PO4005		7
57	PO4124	Xây dựng Đảng	2	30					7
58	PO4157	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	2	30					6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**2**						
59	PO4154	Ứng dụng CNTT	2	15	30				7
60	CE4013	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30					7
61	PO4108	Lôgic biện chứng	2	30					7
IV. Kiến thức bổ trợ			**7**						
62	PO4170	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	2	15	30				5
63	PO4172	Công tác Đảng và Đoàn Thể	2	10	40				7
64	PO4310	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30					6
65	PO4171	Thực tế chính trị - xã hội	1	10	20				6
V. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
66	PO4401	Rèn luyện NVSPTX1	1		30				2
67	PO4402	Rèn luyện NVSPTX2	1		30		PO4401		3
68	PO4403	Rèn luyện NVSPTX3	1		30		PO4402		4
69	PO4404	Rèn luyện NVSPTX4	1		30		PO4403		5
70	PO4405	Rèn luyện NVSPTX5	1		30		PO4404		6
71	PO4406	Rèn luyện NVSPTX6	1		30		PO4405		7
72	PO4409	Kiến tập sư phạm	3		90		PO4406		7
73	PO4410	Thực tập tốt nghiệp	6		180		PO4409		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			**6**						
74	PO4297	Khóa luận tốt nghiệp	6	90					8
6.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 3 trong 5 học			**6**						
75	PO4223	Giáo dục giá trị	2	30					8
76	PO4216	Giáo dục kỹ năng sống	2	30					8
77	PO4002	Giáo dục gia đình	2	30					8
78	PO4283	Một số vấn đề về giáo dục công dân toàn cầu	2	30					8
79	PO4222	Dân tộc học và chính sách dân tộc	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1958	912				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			107						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			14						